

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

ĐỊA VỊ VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG GIÁO MACAO THỜI MINH - THANH TRONG CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở VIỄN ĐÔNG

THANG KHAI KIẾN^(*)

Công giáo phương Tây từng hai lần truyền sang Trung Quốc vào đời Đường và đời Nguyên. Theo văn hiến Trung Quốc, trong đời Đường, Công giáo được gọi là Cảnh giáo, trong đời Nguyên được gọi là Giả Lí Khả Ôn giáo, nhưng cuối cùng cũng biến mất theo sự sụp đổ của triều đại. Mãi đến giữa đời Minh, Công giáo phương Tây lại một lần nữa được truyền sang Trung Quốc. Công giáo truyền sang phương Đông lần này lấy Macao làm cứ điểm, và được phát triển nhanh chóng trong nội địa Trung Quốc, ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật của Trung Quốc, đồng thời đóng vai trò tích cực trong việc truyền bá Công giáo ở cả khu vực Viễn Đông.

1. Hoạt động truyền giáo ở Macao

Các nhà nghiên cứu thường cho rằng, hoạt động của giáo sĩ Francis Xavier trong năm 1552 tại đảo Thượng Xuyên (Island of Sancian) đánh dấu Công giáo truyền sang Trung Quốc lần thứ ba. Người Tây Ban Nha Francis Xavier là giáo sĩ dòng Tên, sứ giả Viễn Đông của Toà Thánh sang Ấn Độ truyền giáo năm 1541, ông xuất phát từ Lixboa, rồi đến

Goa. Năm 1549, ông đến Nhật Bản, và truyền giáo ở đó rất thuận lợi, đồng thời biết được người Nhật chịu ảnh hưởng rất lớn của văn hoá Trung Quốc, thế là ông cảm thấy nên sang Trung Quốc truyền giáo trước, như vậy sẽ đẩy mạnh được việc truyền bá Công giáo tại Viễn Đông. Năm 1552, Francis Xavier đến đảo Thượng Xuyên, trở thành giáo sĩ phương Tây đầu tiên đặt chân lên Quảng Đông. Tại đảo Thượng Xuyên, Francis Xavier và tu sĩ Bồ Đào Nha cùng đi là Alvara Ferreira đã xây nhà thờ nhỏ giản dị, và có trẻ con và thiếu nhi học giáo nghĩa theo ông. Mục tiêu của Francis Xavier là sang nội địa Trung Quốc truyền giáo, nhưng vì nhà Minh Trung Quốc thực hiện chính sách "cấm hải", Francis Xavier đã cố hết sức mình, nhưng đến ngày 3 tháng 12 năm đó ông đã mất tại đảo Thượng Xuyên, rốt cuộc ông vẫn không vào được nội địa Trung Quốc. Francis Xavier tuy không thực hiện được lí tưởng của mình, nhưng ông đã dựa vào kinh nghiệm truyền giáo tại phương Đông của mình, nêu ra sách lược "thích

*. GS. Đại học Ký Nam, Quảng Châu, Trung Quốc. Bài viết bằng tiếng Trung Quốc do tác giả gửi đến Toà soạn.

ứng", sách lược này được các giáo sĩ về sau coi là mẫu mực. Dưới sự hướng dẫn của sách lược này, các giáo sĩ phương Tây như Alexandre Valignano và Mattéo Ricci đã sang được nội địa Trung Quốc một cách thành công, mở đầu cho việc truyền bá Công giáo tại Trung Quốc lần thứ ba.

Sau khi Francis Xavier qua đời không đến hai năm, tức năm 1554, thuyền trưởng Bồ Đào Nha Leonel de Sousa đã kí hoà ước với viên chức phòng thủ bờ biển Quảng Đông, đồng ý cho thương gia Bồ Đào Nha xây chợ mậu dịch lâm thời tại các hòn đảo ven biển như Macao, nhưng không được xây nhà vĩnh cửu, cũng không được phép ở lại qua mùa đông tại đó. Trong tình hình như thế, giáo sĩ người Bồ Đào Nha Gregorio Gonzalez tuân lệnh đến Macao, xây nhà thờ, và tổ chức lễ rửa tội cho 75 người Trung Quốc. Song sau khi mậu dịch Bồ - Trung kết thúc, các giáo sĩ như Gregorio Gonzalez vẫn ở lại Macao, vì thế, mùa đông năm 1555 và mùa đông 1556, họ đã hai lần bị quan binh địa phương Quảng Đông bắt vào tù. Cho đến năm 1557, khi chính quyền Quảng Đông đồng ý cho người Bồ Đào Nha định cư ở Macao, vấn đề này mới được giải quyết.

Năm 1560, nhóm giáo sĩ dòng Tên đầu tiên đã đến Macao, tiếp đó, các giáo sĩ dòng Tên người Italia Giovanni Battista de Monte, người Bồ Đào Nha Louis Frois, Francisco Peres, Manuel Teixeira, Andre Pinto lần lượt đến Macao, làm cho Công giáo Macao phát triển nhanh chóng. Đến những năm sáu mươi thế kỉ XVI Công giáo ở đây đã có quy mô tương đối lớn, ba nhà thờ được xây dựng, đó là nhà thờ Hoa Vương (nhà thờ S. Antonio), nhà thờ Phong Tín (nhà thờ S. Lourenco) và nhà

thờ Vọng Đức (nhà thờ S. Lazzaristi), ngoài ra còn xây hai bệnh viện và một hội từ thiện (tức Nhân từ đường), có hơn 5.000 giáo dân.

Ngày 23 tháng 1 năm 1576, Giáo hoàng La Mã Gregory VIII ban sắc lệnh, chính thức thành lập giáo phận Bồ Đào Nha tại Macao, lệ thuộc giáo phận lớn Goa. Giáo phận Macao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và các hòn đảo lân cận. Toà Thánh La Mã bổ nhiệm Linh mục D. Diogo Nunes de Figueira làm giám mục đầu tiên, nhưng ông kiên quyết không nhận. Năm 1578, Toà Thánh lại cử Giám mục D. Leonardo de Sci quản lí công việc Công giáo Macao, ông đến Macao nhận chức vào năm 1581. Vì từ khi giáo phận Macao thành lập cho đến năm 1581, Công giáo tại Macao đều do Giám mục D. Beichior Carneiro phụ trách, cho nên người ta coi Giám mục D. Beichior Carneiro là giám mục đầu tiên tại Macao.

2. Sự phát triển của Công giáo tại Macao

Dòng tu sớm nhất truyền sang Macao là dòng Tên. Theo đà phát triển thuận lợi của dòng Tên tại Macao và giáo dân ngày một đông, dòng Tên đã xây nhà thờ, ngoài ra còn xây một trường học, chuyên dạy học và viết tiếng Latinh. Đến năm 1592, học sinh của trường đã tăng nhanh đến khoảng 200 người. Nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của hoạt động truyền giáo, năm 1594, trường này được nâng cấp thành đại học, tức Học viện St. Paul's, học viện này đã trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực truyền giáo quan trọng của Công giáo tại Viễn Đông.

Dòng Franciscans (tức Phan Sinh theo tiếng Việt), là dòng tu Công giáo thứ hai

được truyền sang Macao. Năm 1578, Linh mục Pedro de Alfaro dòng Franciscans dẫn đầu cùng với hai giáo sĩ cùng dòng là Augustin de Tordesillas và Juan Bautista Lucarelli đến Quảng Châu, và bị trục xuất sang Macao vào ngày 6 tháng 11 năm đó. Tám ngày sau bắt đầu xây cơ sở dòng, ngày 2 tháng 2 năm 1580, một tu viện dòng Franciscans với thánh quan thầy "Thiên sứ Thánh Mẫu (Đức Bà)" được khánh thành (Văn hiến lịch sử Trung Quốc gọi là "Cát tư lan Miếu"). Dòng Franciscans muốn lấy tu viện Macao làm cơ sở sang nội địa Trung Quốc truyền giáo và là trung tâm truyền giáo ở Viễn Đông. Nhưng người Bồ Đào Nha ở Macao lại trục xuất dòng Franciscans với lí do là xây tu viện không được phép của Vua Bồ Đào Nha. Năm 1586, Giáo sĩ Martinho Inacia dòng Franciscans Tây Ban Nha định chờ thời cơ xây lại tu viện Macao, và quy vào giáo phận Philippines, nhưng giáo sĩ người Bồ Đào Nha trong nội bộ dòng Franciscans áp dụng biện pháp nắm quyền chủ đạo trong tu viện. Ngày 12 tháng 7 năm 1588, Linh mục Martinho, quyền giám mục giáo phận ở Macao chưa đầy hai năm đã bắt buộc phải rời khỏi Macao. Sự thật là người Bồ Đào Nha ở Macao luôn lo sợ người Tây Ban Nha thâm nhập vào thị trường Trung Quốc, e rằng tu viện Macao sẽ trở thành bước đầu tiên của người Tây Ban Nha đặt chân tới Trung Quốc và tranh giành mậu dịch Macao, vì thế ở Macao, người Bồ Đào Nha và người Tây Ban Nha mâu thuẫn nghiêm trọng với nhau.

Có thể là vì muốn làm ổn định lòng người Bồ Đào Nha, ngày 9 tháng 8 năm 1589, Vua Vương quốc Liên hợp Tây Bồ Felipe II ra lệnh cấm tu sĩ Philippines

sang Trung Quốc. Mãi cho đến năm 1632 trở về sau, Linh mục Antonio de Santa Maria Caballero dòng Franciscans Tây Ban Nha từ Manila sang tỉnh Phúc Kiến, và xây dựng nên giáo phận Trung Quốc. Lúc bấy giờ, tuy tu viện Macao dòng Franciscans là do giáo sĩ người Bồ Đào Nha lãnh đạo, nhưng cho phép đoàn truyền giáo tại Trung Quốc của Philippines đặt cơ sở đại lí tại Macao, để tiện cho việc cung cấp vật chất và giáo sĩ cho giáo phận Trung Quốc. Tháng 5 năm 1672, trưởng đoàn truyền giáo tại Trung Quốc của dòng Franciscans Tây Ban Nha là John Bonaventura Ibanez đã dẫn mấy giáo sĩ cùng dòng từ Manila đến Macao, chuẩn bị sang Trung Quốc. Trong thời gian ở Macao, họ đã xây một phòng thuốc và một phòng khám, gây ảnh hưởng rất lớn ở Macao.

Tiếp sau dòng Tên và dòng Franciscans, dòng Augustinian (tức Âu Tinh trong tiếng Việt) và dòng Dominicanorum (tức dòng Đa Minh trong tiếng Việt) cũng lần lượt sang Macao, và xây nhà thờ riêng của mình, làm cho Macao trở thành tiền tiêu sang Trung Quốc của họ.

Vì sự thành lập giáo phận Macao và các dòng tu Công giáo lần lượt trú chân tại Macao, nên nơi đây đã trở thành cơ sở để các dòng tu Công giáo truyền giáo sang Trung Quốc và Viễn Đông. Vì vậy, trong vòng hơn một trăm năm sau khi Macao mở cửa thông thương, Công giáo đã phát triển chưa từng thấy tại đây. Theo *Hương Sơn huyền chí* giới thiệu, đến thời Khang Hy đời Thanh, tại Macao đã xây tới 13 nhà thờ mà lúc bấy giờ gọi là chùa, đó là: chùa Tam Ba, chùa Mạ Gia Tư, chùa Đại, chùa Phi Lai, chùa Phát

Phong, chùa Phong Tấn, chùa Ván Chương, chùa Long Tùng, chùa Y Nhân, chùa Ni Cô, chùa Đường Nhân, miếu Hoa Vương, v.v... Còn số giáo dân, theo thư của Gonzalez viết năm 1570, đến năm 1565, Macao đã có 5.000 giáo dân. Theo hồ sơ của Giáo hội mà Lâm Gia Tuấn và Manuel Teixeira thống kê cho rằng đến năm 1644, giáo dân Macao đã phát triển nhanh chóng đến 40.000 người. Sở dĩ giáo dân Macao tăng nhanh, nguyên nhân chính là: trong đời Minh và đời Thanh, để tránh loạn lạc trong nội địa Trung Quốc, nhiều người Hoa đã di cư sang Macao. Còn các dòng tu Công giáo kịp thời áp dụng sách lược thích hợp, truyền bá phúc âm cho người Hoa, thu hút người Hoa theo đạo. Sau khi tình hình nội địa Trung Quốc ổn định dần, một phần người Hoa trở về quê hương hoặc di cư sang Nam Dương (tên gọi cũ các quần đảo ở Đông Nam Á), hơn nữa Vua Khang Hy lại thi hành chính sách "hải cấm" nghiêm ngặt, làm cho người Hoa ở Macao giảm xuống. Nhưng theo Linh mục Rev. Donald de Souza, đến cuối thế kỉ XVII, tổng dân số Macao là 20.500 người, trong đó có 19.500 giáo dân, chiếm trên 95% dân số. Từ đó cho thấy tình hình phát triển mạnh mẽ của Công giáo Macao.

3. Vai trò của giáo phận Macao đối với công cuộc truyền giáo ở Viễn Đông

Theo sắc lệnh của Giáo hoàng, phạm vi cai quản của giáo phận Macao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam và các khu vực lân cận. Là trung tâm truyền bá Công giáo tại khu vực Viễn Đông, vai trò của Macao chủ yếu thể hiện ở hai mặt sau:

Một là, cung cấp giáo sĩ cho các nơi. Sau khi Công giáo đứng vững vị trí tại Macao, công việc quan trọng là đào tạo giáo sĩ thích hợp cho khu vực Viễn Đông. Lúc bấy giờ, Học viện St. Paul's là trường đại học phương Tây đầu tiên ở Viễn Đông, ngoài các môn thần học, văn học và nghệ thuật ra, còn dạy các ngôn ngữ của khu vực Viễn Đông như tiếng Hán và tiếng Việt, v.v... Hàng loạt giáo sĩ dòng Tên từ Châu Âu đến Macao, và được đào tạo ngắn hạn, rồi cử sang Nhật Bản hoặc Trung Quốc. Từ cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVII, nơi truyền giáo chủ yếu của dòng Tên ở Viễn Đông là nội địa Trung Quốc và Nhật Bản. Từ năm 1579 đến năm 1598, Alexandre Valignano ba lần dẫn đoàn giáo sĩ sang Nhật Bản, số giáo sĩ cùng đi mỗi lần có từ 8 đến 17 người. Cho đến năm 1602, dòng Tên đã cử tất cả 51 đoàn giáo sĩ đến phương Đông, trong đó phần lớn đến Macao. Sau đó, năm 1614, năm 1626 và năm 1636, vì Nhật Bản cấm đạo, nhiều tín đồ bị trục xuất đến Macao, số tín đồ Nhật Bản tới đây tập trung cư trú trên một địa bàn và hình thành một dãy phố. Còn việc đào tạo linh mục trong số các tín đồ di cư Nhật Bản để họ lên lút về Nhật Bản truyền giáo là chức trách lớn của Học viện St. Paul's ở Macao lúc bấy giờ.

Số giáo sĩ được đào tạo ngắn hạn ở Macao rồi sang nội địa Trung Quốc ngày càng đông. Từ sau khi Miguel Ruggieri và Mattéo Ricci sang được Trung Quốc một cách thành công, hàng loạt giáo sĩ phương Tây cũng đã sang đây, nhất là khi tình hình chính trị cuối đời Minh biến đổi, triều đình nhà Minh nhiều lần xin viện trợ quân sự của Macao, điều đó đã tạo cơ hội cho nhiều giáo sĩ ở Macao được

sang Trung Quốc, sau thế kỉ XVII, dòng Tên đặt Trung Quốc là trọng tâm truyền giáo ở Viễn Đông. Nhằm thích ứng yêu cầu phát triển công việc truyền giáo một cách nhanh chóng ở Trung Quốc, dòng Tên còn chú trọng việc đào tạo chức sắc người Hoa. Theo tài liệu đã công bố của Linh mục Videira Pires, từ năm 1590 đến năm 1673, dòng Tên ở Macao đã đào tạo 59 vị chức sắc người Hoa, trong đó nổi tiếng nhất là họa sĩ Ngô Lịch và người Hoa Macao Trịnh Mã Nặc.

Sau khi Nhật Bản xảy ra nạn cấm đạo, các dòng tu Macao hết sức coi trọng việc khai thác và phát triển công cuộc truyền giáo ở Việt Nam. Ở Học viện St. Paul's, để đáp ứng nhu cầu truyền giáo ở Việt Nam, việc dạy tiếng Việt là điều hết sức quan trọng. Theo ghi chép của Linh mục Maldonado, năm 1667, học viện có hai môn học tiếng, tiếng Việt là một trong hai môn đó. Năm đó có 8 linh mục học tiếng Việt, nhưng chỉ có 6 linh mục học tiếng Trung Quốc. Theo thống kê không đầy đủ, trong thế kỉ XVII, có 70 giáo sĩ phương Tây đã đến Việt Nam, trong đó số giáo sĩ đến từ Macao chiếm tỉ lệ rất lớn. Cũng trong thời kì đó, có khoảng 10 giáo sĩ dòng Tên đã đến Xiêm La (nước Thái Lan bấy giờ).

Ngoài dòng Tên ra, dòng Franciscans, dòng Augustinian và dòng Dominicanorum cũng xây tu viện tại Macao, đào tạo nhân lực truyền giáo, cử giáo sĩ sang nội địa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Điều cần lưu ý là, bắt đầu từ thế kỉ XVII, dòng Dominicanorum đặt trọng tâm truyền giáo ở Malacca và Timo, trong đó nhiều giáo sĩ được đào tạo ở Macao rồi cử sang đó, đến năm 1840, tu viện dòng Dominicanorum ở Macao còn

mở một trường chuyên đào tạo giáo sĩ cho Timo.

Hai là, trong một thời gian khá dài, Macao là trạm cung cấp vật tư để phát triển công cuộc truyền giáo ở Viễn Đông của các dòng tu Công giáo. Nguồn kinh phí của đoàn truyền giáo Viễn Đông đến từ hai con đường: Thứ nhất, sự ủng hộ của Giáo hội Châu Âu, họ đưa kinh phí đến Macao, rồi do Giáo hội Macao chuyển sang các nơi khác. Thứ hai, Toà Thánh cho phép đoàn truyền giáo tận dụng địa vị đặc biệt của Macao, tham gia một số hoạt động buôn bán ở một mức độ nào đó, về mặt này, dòng Tên ở Macao làm rất thành công, doanh thu của họ nộp cho Giáo hội thống nhất quản lí và số tiền này đã bù đắp rất nhiều cho các dòng tu thiếu kinh phí.

4. Suy sụp của Công giáo ở Macao

Đến thế kỉ XVIII, sau nhiều lần bị tác động, Công giáo ở Macao từng huy hoàng dần dần bị suy sụp, ảnh hưởng của nó đối với sự nghiệp truyền giáo ở Viễn Đông cũng giảm theo. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Công giáo ở Macao bị suy sụp được thể hiện ở những mặt sau:

4.1. *Toà Thánh can dự nhiều hơn đối với công cuộc truyền giáo ở Viễn Đông.* Vì thế lực của Bồ Đào Nha cực kì lớn và dòng Tên có đặc quyền ở Viễn Đông, hai điều đó làm cho Toà Thánh rất lo lắng, thế là Toà Thánh áp dụng một số biện pháp hạn chế và làm yếu quyền bảo giáo của Bồ Đào Nha và sức ảnh hưởng của dòng Tên. Ngoài việc cử các giáo sĩ các dòng tu Công giáo không phải người Bồ Đào Nha sang Trung Quốc, Nhật Bản và Đông Nam Á truyền giáo ra, Toà Thánh còn thiết lập Bộ Truyền bá Đức tin, can

dự và kiểm chế các dòng tu Công giáo ở Viễn Đông. Năm 1696 thi hành quy chế đại mục ở Châu Á, trong giáo phận Macao cũ thiết lập hai khu đại mục là Tokyo và Giáo Chỉ, những nơi như Vân Nam, Quý Châu, Hồ Quảng, Tứ Xuyên, Quảng Tây, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tây, Hải Nam thuộc hai khu đại mục quản lý, về sau lại nhiều lần chia cắt khu đại mục. Những khu đại mục chia cắt đó do Giáo hoàng trực tiếp uỷ nhiệm tấn phong đại mục, quyền lợi và trách nhiệm của họ như giám mục. Đến năm 1696, Giáo hoàng lại phân chia lại giới hạn của các giáo phận trong lãnh thổ Trung Quốc. Trung Quốc được chia làm ba giáo phận, chín khu đại mục. Như vậy, giáo phận Macao rộng lớn đã bị thu nhỏ lại rất nhiều. Đến năm 1696, tuy danh nghĩa là giáo phận Macao còn quản lý công việc tôn giáo của Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) và Hải Nam, nhưng thực quyền chỉ còn ở Macao và mấy hòn đảo ven biển mà thôi.

4.2. *Tranh biện về lễ nghi cũng dẫn đến chia rẽ nghiêm trọng của Giáo hội.* Thế lực chủ đạo của Công giáo Macao là dòng Tên. Nhằm bảo đảm công cuộc truyền giáo, với thái độ thực tế, dòng Tên đã áp dụng sách lược truyền giáo "bản địa hóa". Song đến cuối thời Khang Hy, sứ đoàn La Mã đứng đầu là Carlos Tomas Maillard de Tournou đã gây ra "*cuộc tranh biện về lễ nghi Trung Quốc*". Năm 1707, tại Nam Kinh, Tournou chính thức tuyên bố: cấm tín đồ Công giáo thờ cúng tổ tiên và thờ Khổng Tử. Hành vi của Tournou làm cho triều đình nhà Thanh rất tức giận, chính quyền Quảng Đông đã bắt giam ông và giải đi Macao. Nhằm giữ gìn quyền bảo giáo và lợi ích ở Macao,

Vua Bồ Đào Nha đã chỉ thị Tổng giám mục Goa ra lệnh cho Giám mục Macao D. João do Casal ra thư công khai: cấm tất cả người Bồ Đào Nha ở Trung Quốc thừa nhận Tournou là thị sát viên của Toà Thánh, còn chỉ trích hành vi của Tournou ở Trung Quốc sẽ làm mất đi ảnh hưởng của tín đồ đối với Trung Quốc, và sẽ làm cho Macao mắc họa. Họ giam lỏng Tournou tại tu viện dòng Franciscans ở Macao. Lúc đó những giáo sĩ thuộc Franciscans, Hội truyền giáo nước ngoài Paris (MEP) và dòng Dominicanorum theo lệnh Tournou, chống lễ nghi Trung Quốc cũng bị trục xuất khỏi Macao. Từ đó, cuộc tranh luận về lễ nghi làm cho các dòng tu Công giáo chia rẽ và chống đối nghiêm trọng, sự chia rẽ và chống đối này đã gây thiệt hại rất lớn đến sự phát triển bình thường của hoạt động Công giáo ở Macao. Trong thời kì đó, hoạt động Công giáo trong giáo phận Macao rối loạn hẳn lên.

4.3. *Triều đình nhà Thanh cấm đạo Công giáo ngày càng nghiêm ngặt.* Từ cuối đời Minh đến đầu đời Thanh, Trung Quốc luôn thi hành chính sách không can thiệp vào công việc của Công giáo ở Macao. Nhưng từ đời vua Ung Chính, người dân nội địa Trung Quốc đến Macao theo đạo rất đông, điều đó gây chú ý của triều đình nhà Thanh. Năm Ung Chính thứ bảy (năm 1729), triều đình bổ nhiệm Tiêu Kỳ Niên làm Quan phòng Chính tặc Sứ, mục đích chủ yếu là chấn chỉnh phong tục địa phương Quảng Đông, cấm truyền bá Công giáo, nhiều nhà thờ Công giáo bị phá huỷ. Tháng 5 năm Càn Long thứ 11 (năm 1746), sau khi vụ án tôn giáo Phúc Yên bùng nổ, cuộc cấm đạo mang tính toàn quốc đã xảy ra. Cuộc cấm đạo

này trực tiếp ảnh hưởng đến các nhà thờ Công giáo ở Macao, chùa Đường Nhân Macao bị cưỡng ép phong toả. Năm Gia Khánh thứ 19 (năm 1814) một lần nữa ban sắc lệnh cấm người dân nội địa đến Macao theo đạo. Trong thời Vua Càn Long và Vua Gia Khánh, triều đình nhà Thanh mở rộng chính sách cấm đạo được thi hành ở nội địa Trung Quốc đến cộng đồng người Hoa ở Macao, tấn công một cách mạnh mẽ đến sự truyền bá Công giáo trong cộng đồng người Hoa ở Macao, làm cho sự phát triển của Công giáo ở Macao gặp phải trở ngại mới.

4.4. *Sự tấn công của yếu tố chính trị Châu Âu đối với Công giáo ở Macao.* Thế lực Công giáo Macao luôn lấy dòng Tên làm chủ đạo, có thể nói, trong phạm vi quản lý của giáo phận Macao, dòng Tên là chúa tể tối cao. Tuy nhiên, vào những năm 50 thế kỉ XVIII, cuộc vận động trục xuất giáo sĩ dòng Tên dấy lên ở Châu Âu mang lại tai họa huỷ diệt cho Công giáo ở Macao. Ngày 3 tháng 9 năm 1759, Thủ tướng Pombal ban hành pháp lệnh, chỉ trích dòng Tên là kẻ phản bội, là kẻ địch và kẻ xâm lược của vua và nhà nước. Các tu sĩ dòng Tên bị tước quyền công dân, thậm chí bị Bồ Đào Nha và các nước thuộc địa trục xuất. Năm 1762, Macao bắt đầu chấp hành mệnh lệnh của Pombal, ngày 5 tháng 7 bắt tất cả 24 tu sĩ dòng Tên mang quốc tịch khác nhau, trong đó có 13 tu sĩ dòng Tên ở tu viện St. Joseph và 11 tu sĩ dòng Tên ở Học viện St. Paul's. Tài sản của dòng Tên ở Macao, kể cả Học viện St. Paul's và tu viện St. Joseph, đều bị tịch thu hết, do giáo phận Macao bảo quản. Ngày 21 tháng 7 năm 1773, Giáo hoàng Clement XIV ban sắc lệnh, tuyên bố chính thức thủ tiêu dòng

Tên. Đối với Công giáo ở Macao, việc thủ tiêu dòng Tên lại là một đòn chí tử.

Sau những năm 20 thế kỉ XIX, làn sóng đấu tranh chính trị trong nước Bồ Đào Nha một lần nữa ảnh hưởng đến sự phát triển của Công giáo ở Macao: năm 1823, cuộc đấu tranh giữa phái chính thống và phái tự do tác động tới Macao. Năm 1833, phái hiến chế thắng lợi trong cuộc đấu tranh chính trị, dưới sự chủ đạo của luồng tư tưởng của chủ nghĩa tự do mới, Bồ Đào Nha tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Toà Thánh, đồng thời phát động phong trào thù giáo. Ngày 12 tháng 10 năm 1833, Thống đốc Macao Bernardo Jos de Sousa Soares Andrea kí sắc lệnh, trục xuất khỏi Macao tất cả giáo sĩ các dòng tu, và tịch thu tài sản của Giáo hội. Nhà thờ St. Paul's cũng bị chính quyền trưng dụng làm doanh trại của ông hoàng nhiếp chính.

Trong vòng hơn trăm năm từ năm 1696 đến năm 1842, Công giáo ở Macao bị tấn công nhiều lần, và ngày một nghiêm trọng hơn. Đến năm 1834, theo số liệu của Linh mục Lâm Gia Tuấn: "Macao chỉ còn hơn 3.000 giáo dân", vì thế, trong vòng một trăm năm này, sự phát triển của Công giáo ở Macao cơ bản nằm trong tình trạng trì trệ hoặc suy thoái. Tuy theo sự suy sụp dần của Công giáo ở Macao, sự ảnh hưởng của nó đối với khu vực Viễn Đông cũng giảm bớt, đến cuối thế kỉ XIX, Công giáo ở Macao chỉ có thể quản lý công việc của Công giáo trong khu vực Macao, không còn tác động gì đến các nước láng giềng nữa./.

Người dịch: Le Xao Binh
(Li Qiaoping)